

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262/2023/DS-PT

Ngày: 30/5/2023

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản và đề nghị
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký Tòa án: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Minh Nghĩa,
Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5276/2023/QĐPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị A, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn:** Ông Phạm Văn B, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện Z, thành phố H. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Viên (vắng mặt, có văn bản số 1635/UBND-VP ngày 24/5/2023 đề nghị xét xử vắng mặt);

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị A (văn bản uỷ quyền ngày 29/5/2023).
Vắng mặt ông C, có mặt bà A tại phiên toà.

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà A9, khu 5, phường Q quận H, thành phố H. Có mặt

- Ông Phạm Văn G, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 74, ngõ 280, phố T, phường N, quận L, thành phố H. Có mặt.

- Bà Phạm Thị E, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Đ, quận D, thành phố H. Có mặt.

- Anh Phạm Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H.

- Chị Phạm Minh N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H. Vắng mặt, có văn bản ngày 29/5/2023 uỷ quyền cho bà Phạm Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2021, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị E và chị Phạm M đều thống nhất trình bày:

Nguyên đơn bà Phạm Thị A có bố đẻ là cụ Phạm Văn K (đã chết năm 1976) và mẹ đẻ là bà Đồng Thị S (đã chết năm 2014). Quá trình chung sống, cụ K và cụ S có 06 người con chung:

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1953.
2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1956.
3. Ông Phạm Văn B; sinh năm 1959.
4. Ông Phạm Văn G, sinh năm 1963.
5. Bà Phạm Thị A; sinh năm 1966.
6. Bà Phạm Thị E, sinh năm 1972.

Cụ K và cụ S chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ với nhà nước và không nợ ai. Cụ K, cụ S không có con nuôi, không có con riêng nào khác.

Khi còn sống, cụ K và cụ S có những tài sản chung sau:

- Diện tích 502m² đất, thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H và một số công trình xây dựng trên đất. Năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện Z, thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 493247 cho hộ cụ Đồng Thị S đối với diện tích đất nêu trên. Cụ K và cụ S ở tại diện tích đất này đến khi chết. Hiện nay trên diện tích đất này có ông Phạm Văn C và con

gái ông C là chị Phạm Thị Ngọc đang ở. Ông C ở cùng cụ K, cụ S tại diện tích đất này từ nhỏ đến nay. Tài sản cụ S trên đất gồm có: 02 gian nhà cấp 4; 01 gian nhà bếp; 01 bể nước mái vòm; 01 gian nhà tắm; phần sân lát xi măng và lát đá đỏ (cụ S xây dựng từ năm 2005, sau khi cụ K mất). Trong quá trình sinh sống ông C đã xây dựng một số công trình trên đất của hai cụ. Tài sản của ông C trên đất gồm có: 02 gian nhà ống cấp 4. Đối với tài sản vật kiến trúc trên đất của cụ S các bên không yêu cầu chia và đều thống nhất ai được chia đất mà trên đất có tài sản thì người đó được hưởng, không ai có ý kiến thắc mắc gì.

- Diện tích 340m² đất, thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H. Ông B, bà A đến ở diện tích đất này từ năm 1987. Bà A không lấy chồng, không có con. Ông B có vợ là bà H và có 02 con chung là Phạm Văn P và Phạm Thị Bích Phượng. Hiện nay trên diện tích này có bà A, ông B và vợ là bà H, con trai là anh Phương đang ở, con gái Phượng đã đi lấy chồng hiện ở nơi khác. Quá trình sinh sống tại diện tích đất trên, ông B và bà A đều có xây dựng một số công trình trên đất. Cụ thể, tài sản nhà ông B quản lý sử dụng bao gồm: 01 lán bán hàng trước nhà, 01 nhà ống 02 tầng, khu công trình phụ (nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh), sân lát xi măng, 01 bể nước, 01 gian nhà nền xi măng lợp ngói xi măng, tường bao, 01 lán tôn mạ màu, cổng 2 trụ đồ mái bằng; tài sản nhà bà A quản lý sử dụng bao gồm: 01 nhà ống 2 gian, khu công trình phụ (nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh mái bằng, cửa nhôm), sân bê tông, cổng 2 trụ xây gạch chỉ, tường bao xây gạch chỉ. Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện Z, thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 649674 đối với diện tích đất 340m² nêu trên cho ông Phạm Văn B và bà Bùi Thị H.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Chia thừa kế diện tích 502m² đất, thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 và diện tích 340m² đất, thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H do cụ Phạm Văn K và cụ Đồng Thị S để lại theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản của cụ S gắn liền với đất gồm: 02 gian nhà cấp 4; 01 gian nhà bếp; 01 bể nước mái vòm; 01 gian nhà tắm; phần sân lát xi măng và lát đá đỏ tại thửa đất số 502m² không yêu cầu Tòa án chia do giá trị tài sản không đáng kể.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 649674, diện tích đất 340m², thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H do Ủy ban nhân dân huyện Z, thành phố H cấp cho ông Phạm Văn B và vợ là bà Bùi Thị H ngày 31/12/2007.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị E và chị Phạm Minh Ngọc đều thống nhất đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia di sản thừa kế của cụ K và cụ S theo quy định của pháp luật và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Z đã cấp cho vợ chồng ông B bà H đối với diện tích 340m² tại địa chỉ Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H.

Bị đơn ông Phạm Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H, anh Phạm Văn P thống nhất trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về họ tên, năm sinh, năm mất, các hàng thừa kế của cụ K và cụ S.

Đồng thời trình bày thêm:

- Về yêu cầu chia thừa kế:

+ Đối với diện tích 340m² đất, thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H. Đây là tài sản của cụ K và cụ S để lại. Ông B ở trên diện tích đất này từ khi lấy vợ (năm 1990), khi đó cụ K đã mất. Năm 2007, bà S đã đồng ý cho ông B được làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đứng tên vợ chồng ông. Nhưng cụ S chỉ cho bằng miệng chứ không thể hiện bằng văn bản. Thời điểm làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình không có cuộc họp nào. Ông cũng không biết ai đã viết biên bản họp gia đình, ông không được biết về biên bản này. Thuê đất ông B vẫn đóng đầy đủ từ năm 1990 đến nay. Hiện trên diện tích đất này có vợ chồng ông B bà H, con trai là anh Phương và bà A sinh sống, ông B không đồng ý chia thừa kế đối với tài sản trên vì tài sản đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đứng tên vợ chồng ông. Trên đất trước đây có một ngôi nhà của các anh em cùng xây để ở từ năm 1990. Đến năm 2017 thì bà A đã phá dỡ và làm lại nhà mới như hiện nay.

+ Đối với diện tích 502m² đất, thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H: Đây là tài sản của cụ K và cụ S để lại, cụ S cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Hiện diện tích đất đang do ông C trực tiếp quản lý, sử dụng. Đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với tài sản này theo quy định của pháp luật. Ông B từ chối nhận phần di sản của ông tại diện tích đất này. Trường hợp Tòa án không chấp nhận phần diện tích 340m² thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 là của ông toàn bộ thì ông đề nghị Tòa án vẫn chia di sản là diện tích đất 502m² cho ông.

- Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông B đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Z trình bày: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vắng mặt tại phiên tòa và thông báo kết quả cho Ủy ban nhân dân huyện Z được biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự thống nhất đề nghị Tòa án không chia di sản thừa kế là nhà của cụ S trên đất gồm: 02 gian nhà cấp 4; 01 gian nhà bếp; 01 bể nước mái vòm; 01 gian nhà tắm; phần sân lát xi măng và lát đá đỏ tại thửa đất số 502m². Tài sản trên nếu chia vào phần diện tích đất của ai thì người đó được hưởng vì giá trị tài sản không đáng kể.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ các khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 34, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 149, Điều 609, Điều 613, Điều 618, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Án lệ số 03/2016/AL và Án lệ số 05/2016/AL;

Căn cứ Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế và Nghị quyết số 02/2016/NĐ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Giao cho bà Phạm Thị A được quyền sử dụng diện tích 129m² đất, thuộc thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H, là phần diện tích có di sản của cụ K, cụ S để lại có các tài sản gắn liền với đất bao gồm: 02 gian nhà cấp 4, 01 gian nhà bếp lợp mái tôn, 01 bể nước lọc, 01 gian nhà tắm theo mốc giới 4a-5-6-6a-7b, vị trí, kích thước thửa đất (có sơ đồ kèm theo).

Bà A phải có trách nhiệm trả cho bà E giá trị chênh lệch là 34.900.000 đồng.

Giao cho ông Phạm Văn C được quyền sử dụng diện tích 156,7m² đất, thuộc thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H đã xây 02 gian nhà ống cấp 4 theo mốc giới 6a-7-7a-7b, vị trí, kích thước thửa đất (có sơ đồ kèm theo).

Ông Phạm Văn C phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn G 158.400.000 đồng, trả cho bà Phạm Thị D 153.600.000 đồng.

Giao cho ông Phạm Văn G được quyền sử dụng diện tích 67,8m² đất, thuộc thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H theo mốc giới 4a-7b-7a-8-8a-3b-4, vị trí, kích thước thửa đất (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho bà Phạm Thị E diện tích 67,8m² đất, thuộc thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H theo mốc giới 3a-3b-8a-9-9a, vị trí, kích thước thửa đất (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho bà Phạm Thị D diện tích 67,8 m² đất, thuộc thửa đất số 887, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H theo mốc giới 1-2-3-3a-9a-10, vị trí, kích thước thửa đất (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Phạm Văn B được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 337,5m² đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H.

Ông Phạm Văn B phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị D 4.800.000 đồng, trả cho bà Phạm Thị E 123.500.000 đồng, trả cho bà Phạm Thị A 148.630.000 đồng (giá trị tài sản trên đất của bà A gồm: 01 nhà ống 2 gian, khu công trình phụ (nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh mái bằng, cửa nhôm), sân bê tông, cổng trụ xây gạch chỉ, tường bao xây gạch chỉ).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 649674 do UBND huyện Z, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho ông Phạm Văn B và vợ là bà Bùi Thị H được quyền sử dụng 340m² đất tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H.

3. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho ông C, ông B, ông G, bà D

Bà A phải nộp 49.650.000 đồng, trừ vào 24.000.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016008 ngày 16/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, bà A phải nộp 25.650.000 đồng; bà E phải nộp 37.101.000 đồng

Ngày 17/8/2022, nguyên đơn là bà Phạm Thị A và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 16/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có Quyết định số 08/KNDS kháng nghị bản án sơ thẩm, với phân tích: Kết luận giám định đã thể hiện không đúng chữ cụ S, bà A và các đồng thừa kế khác tại Biên bản họp gia đình ngày 10/11/2007 nên ông B gian dối để được cấp GCN thửa đất 148 diện tích 340m². Thực tế khi cụ S còn sống thì cả ông B, bà A và cụ S sử dụng thửa 148, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2-16/AL để công nhận cho ông B 241m² là không phù hợp chứng cứ hồ sơ và làm ảnh hưởng quyền lợi các thừa kế khác. Bà A đã xây dựng nhà cửa sinh sống ổn định trên 96,5m² đất thửa 148 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giao cho bà nhà đất này mà lại giao nhà đất thửa 887 là không công B và không đúng thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định toàn bộ thửa đất thửa 148 là di sản thừa kế của cha mẹ để lại, cần phân chia bảo đảm quy định cho các bên.

Ngày 25/5/2023, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị E và bà Phạm Thị D (5 thừa kế) đều có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia thửa đất số 448 cho 4 thừa kế là ông C, ông G, bà E, bà D và nộp kèm theo

sơ đồ cụ thể; thửa số 148 chia cho ông B 207m², bà A 130m² và không ai phải thanh toán chênh lệch giá trị bằng tiền cho ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Toàn bộ 6 thừa kế là ông Phạm Văn C (do bà Phạm Thị A đại diện), ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị E, bà Phạm Thị D và ông Phạm Văn B tự nguyện thỏa thuận thống nhất giải quyết phân chia thừa kế và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận: thửa đất số 448 chia cho 4 người theo sơ đồ ngày 25/5/2023 (bà E, bà D mỗi người 80m²; ông G 112m²; ông C 223,3m²) và thửa 148 chia cho 2 người vị trí theo sơ đồ bản án sơ thẩm tuyên (bà A phần đất diện tích 96,5m², ông B phần đất diện tích 241m²)-không ai phải thanh toán chênh lệch về giá trị đất cho ai.

Ông Phạm Văn C (do bà Phạm Thị A đại diện), ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị E, bà Phạm Thị D thống nhất tự giải quyết về tài sản nhà ở, công trình xây dựng nằm trên thửa 448; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận vị trí các phần đất như sơ đồ tự chia và khi làm hồ sơ cấp GCNQSD đất nếu đo đạc không chính xác sẽ tự thỏa thuận điều chỉnh lại. Phần nhà đất ông C được chia 223,3m² để ở ½ và ½ làm nhà thờ.

Bà Phạm Thị A tự nguyện thanh toán cho ông Phạm Văn B 3.500.000 đồng giá trị căn nhà cũ đã xuống cấp (kí hiệu C trên sơ đồ), ông B có trách nhiệm tháo dỡ phần xây dựng của căn nhà C nằm trên 96,5m² đất chia cho bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ: Tài liệu hồ sơ đã thu thập đủ cơ sở xác định toàn bộ 2 thửa đất số 148 và 448 là di sản thừa kế của cha mẹ để lại, như kháng nghị đã phân tích. Ngoài ra, bản án sơ thẩm chia hiện vật toàn bộ thửa 148 cho ông B là không bảo đảm quyền lợi cho bà A. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các thừa kế đã tự nguyện thỏa thuận thống nhất phân chia 2 thửa đất làm 6 phần cho các thừa kế, đều thống nhất xác nhận vị trí theo sơ đồ và bà A tự nguyện thanh toán cho ông B giá trị phần nhà của ông B nằm trên đất bà A. Xét sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận này.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi tH luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân thành phố Hthụ lý giải quyết vụ án chia thừa kế quyền sử dụng đất đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đã xác định và đầy đủ người tham gia tố tụng.

[2] Xét việc thỏa thuận của các thừa kế tại phiên tòa phúc thẩm:

[2.1] Ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn trình bày ý kiến đề ngày 25/5/2023; có đơn xin vắng mặt và uỷ quyền cho bà A thực hiện theo thoả thuận 25/5/2023 (đơn có xác nhận của UBND xã Y ngày 29/5/2023).

[2.2] Nội dung thoả thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đủ cơ sở để công nhận.

[3] Ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Chia quyền sử dụng thửa đất số 887 diện tích 489m², tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố H cho ông Phạm Văn C (223,3m²), ông Phạm Văn G (112,1m²), bà Phạm Thị E (80m²) và bà Phạm Thị D (80m²) - Có sơ đồ mốc giới tự phân chia kèm theo.

- Chia quyền sử dụng thửa đất số 148, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn X, xã Y huyện Z, thành phố H cho bà Phạm Thị A (96,5m²), ông Phạm Văn B (241m²) - Có sơ đồ mốc giới kèm theo.

- Bà Phạm Thị A trả cho ông Phạm Văn B 3.500.000 đồng.

2. Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 649674 do UBND huyện Z, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho ông Phạm Văn B, bà Bùi Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 493247 do UBND huyện Z, thành phố H cấp ngày 24/12/2008 cho cụ Đồng Thị S) và thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các đương sự theo quyết định bản án.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị D.

Bà Phạm Thị A phải chịu 42.600.000 đồng, trừ 24.000.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016008 ngày 16/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H, bà A phải nộp 18.600.000 đồng.

Bà Phạm Thị E phải chịu 36.000.000 đồng.

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng cho mỗi người đã nộp tạm ứng là bà Phạm Thị E theo biên lai số 0000650 ngày 08/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H; bà Phạm Thị A theo biên lai số 0000648 ngày 08/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/5/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương